

Bản án số: 08/2019/DS-ST

Ngày: 16-10-2019

V/v: “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PǺH - TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hòa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trịnh Văn Nguyên.
2. Bà Nguyễn Thị Lan.
- *Thư ký phiên tòa:* bà Huỳnh Nữ Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư PǺh, Gia Lai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư PǺh, Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại Toà án nhân dân huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2019/TLST - DS, ngày 12/4/2019 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST - DS, ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1960
Địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Q, sinh năm 1972
Địa chỉ: Làng T, xã I, huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)
3. *Người làm chứng:* Ông Huỳnh Đức N, sinh năm 1990
Địa chỉ: thôn T, xã I, huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2019, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Huỳnh Thị M trình bày:

Do quen biết, nên năm 2015 bà có cho ông Q vay tiền 2 lần, cụ thể: Lần 1 vào ngày 28/11/2015, bà cho ông Q vay 150.000.000 đồng mục đích để mua rẫy cao su, ông Q hẹn tháng 3 âm lịch năm 2016 sẽ trả, về lãi suất hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất (mức lãi suất bao nhiêu bà không nhớ, vì thời gian đã lâu); lần 2 là vào ngày 14/12/2015, ông Q mượn thêm 100.000.000 đồng nói để đi mua bò, hẹn đến tháng 3 âm lịch 2016 sẽ trả, lãi suất cũng chỉ thỏa thuận miệng (cụ thể bà không nhớ) khi đó

ông Q có trả 1.000.000 đồng tiền lãi. Đến hẹn, bà đã nhiều lần yêu cầu ông Q trả tiền nhưng ông Q không trả nên năm 2017, bà làm đơn khởi kiện ra Tòa án đòi ông Q trả số tiền này, nhưng ông Q cho rằng đây là tiền đánh bạc bằng hình thức ghi số đề với bà nên Tòa án đã chuyển vụ án qua Công an huyện Chư Păh để giải quyết. Công an huyện Chư Păh đã thụ lý giải quyết, xác định việc ông Q đánh bạc với bà bằng hình thức ghi số đề là không đúng, ông Q thừa nhận có mượn tiền của bà, khi đó hai bên thỏa thuận đến cuối tháng 02/2018 (ÂL) ông Q trả cho bà là 60.000.000 đồng, sau đó cứ mỗi tháng trả 15.000.000 đồng cho đến hết, khi đó nếu ông Q thực hiện đúng theo thỏa thuận thì bà chỉ lấy 200.000.000 đồng, còn cho ông Q 50.000.000 đồng, nhưng ông Q chỉ trả cho bà tổng cộng được 60.000.000 đồng sau đó ông Q không trả nữa nên bà vẫn yêu cầu ông Q phải trả cho bà số tiền nợ còn lại là 190.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi cho số tiền nói trên.

Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Q trình bày:

Do quen biết nên từ năm 2014, 2015 ông có nợ tiền bà M nhiều lần, đến 28/11/2015 bà M nói ông viết giấy mượn tiền với số tiền là 150.000.000 đồng, hẹn tháng 3/2016 (ÂL) sẽ trả. Đến ngày 14/12/2015 ông viết tiếp giấy mượn tiền, với số tiền là 100.000.000 đồng, số tiền này ông cũng hẹn đến tháng 3/2016 (ÂL) trả, khi vay hai bên thỏa thuận không tính lãi suất của số tiền nói trên. Tại phiên tòa ông Q cho rằng khi viết giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên sau đó bà M bắt ông phải trả tiền lãi, ông đã trả lãi được mấy tháng cụ thể số tiền ông không nhớ, khi trả ông chỉ đưa tay, không viết giấy tờ gì. Đến giữa năm 2016, ông có đưa cho con bà M là anh N số tiền 50.000.000 đồng để trả cho bà M nhưng không viết giấy tờ gì. Đến năm 2018, ông tiếp tục trả cho bà M nhiều lần, tổng cộng trả được 60.000.000 đồng. Nay bà M khởi kiện yêu cầu ông phải trả 190.000.000 đồng, ông không đồng ý vì ông đã trả cho bà M tổng cộng là 110.000.000 đồng, hiện nay ông chỉ còn nợ bà M 140.000.000 đồng số tiền này ông chưa có để trả cho bà M một lần được, ông xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Ngoài ra, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Người làm chứng ông Huỳnh Đức N trình bày: Việc vay mượn tiền giữa ông Q với bà M ông không biết, sau này ông chỉ nghe nói bà M có cho ông Q vay tiền, còn việc vay mượn tiền cụ thể như thế nào ông không biết. Việc ông Q nói năm 2016, ông Q đưa tiền cho ông số tiền 50.000.000 đồng để trả tiền cho bà M là không có.

Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 466; 470; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 190.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Bà Huỳnh Thị M có cho ông Nguyễn Q vay số tiền 250.000.000 đồng thể hiện tại giấy mượn tiền đề ngày 28/11/2015, ông Q mượn 150.000.000 đồng và ngày 14/12/2015, mượn 100.000.000 đồng, số tiền này ông Q hẹn đến tháng 3 năm 2016 (âm lịch) sẽ trả hết cho bà M. Đến hẹn, bà M đã nhiều lần đòi nợ nhưng ông Q mới trả được 60.000.000 đồng, vì vậy bà M khởi kiện yêu cầu ông Q phải trả số tiền 190.000.000 đồng còn lại.

Xét, giao dịch vay tiền giữa bà M và ông Q được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án ông Q thừa nhận có viết hai giấy mượn tiền của bà M với số tiền 250.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định việc bà M có cho ông Q vay số tiền 250.000.000 đồng là đúng sự thật.

Tuy nhiên, trong số tiền 250.000.000 đồng bà M cho ông Q vay hai bên chỉ thống nhất về số tiền ông Q đã trả cho bà Mai là 60.000.000 đồng, còn số tiền 50.000.000 đồng, hai bên không thống nhất được. Ông Q cho rằng giữa năm 2016, ông có đưa cho ông N (là con của bà M) số tiền 50.000.000 đồng để trả cho bà M, khi đưa ông chỉ đưa tay, không viết giấy tờ gì, không có ai làm chứng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông N cũng không thừa nhận việc có nhận tiền của ông Q số tiền 50.000.000 đồng để trả cho bà M. Ngoài ra, ông Q cũng không có căn cứ gì chứng minh cho việc đã trả số tiền 50.000.000 đồng này, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận việc ông Q đã trả cho bà M số tiền 50.000.000 đồng. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định ông Q còn nợ bà M số tiền 190.000.000 đồng, bà M yêu cầu ông Q phải trả số tiền 190.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các Điều 471; 474; 478 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Về tiền lãi suất: Bà M không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận nên ông Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 471; 474; 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M. Buộc ông Nguyễn Q phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền là: 190.000.000đ (*một trăm chín mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 9.500.000đ (*chín triệu năm trăm nghìn đồng*). Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 4.750.000đ (*bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0002647, ngày 11/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h.Chư Păh;
- THADS h.Chư Păh;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Hòa